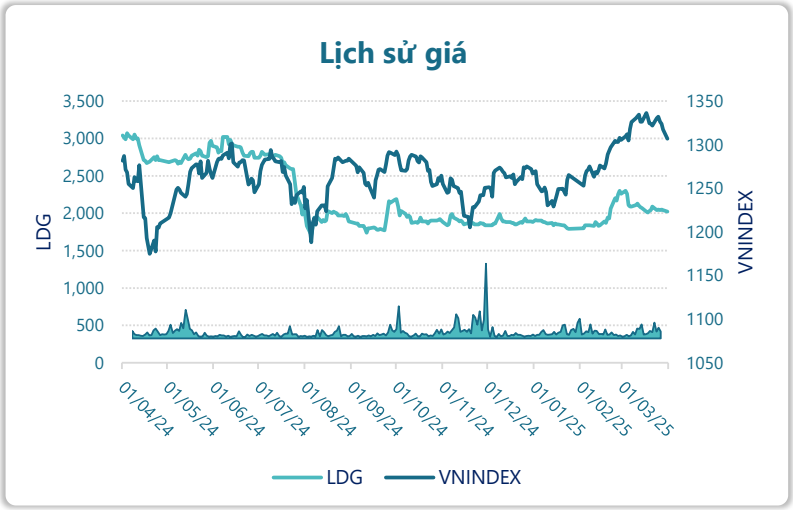
FireAnt

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,020**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,710
SL cổ phiếu LH	256,207,345
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,770,680
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	518
P/E	-0.8
EPS	-2,501

DT thuần

Q1/25

77.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 75.9| 5658%

YoY: ▲ 207| 159%

LN sau thuế

Q1/25

12.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 317| 104%

YoY: ▲ 137| 110%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

794%

+/- YoY: ▼ 668%

DT thuần

2024

-173

tỷ VNĐ

YoY: ▼137| -374%

LN sau thuế

2024

-1,506

tỷ VNĐ

YoY: ▼979| -186%

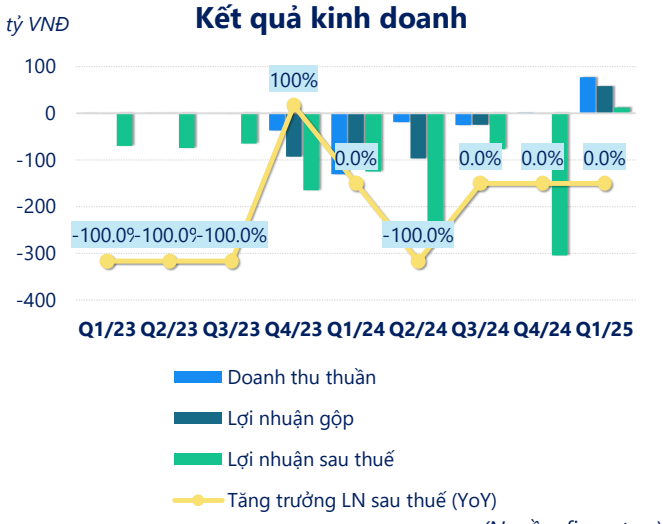
ROE

2024

-76.7%

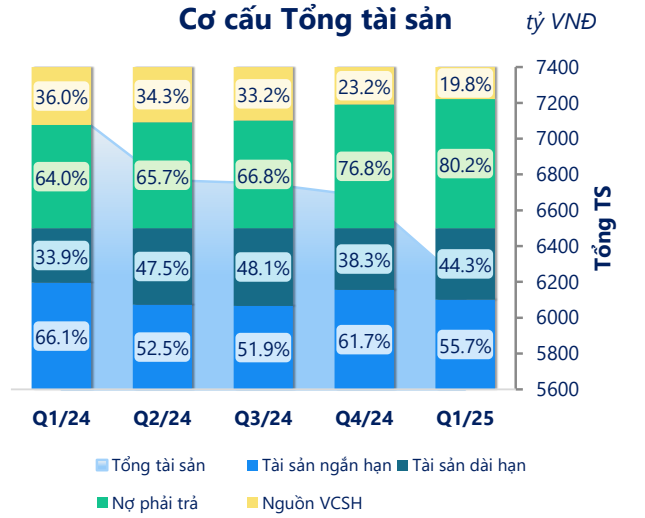
+/- YoY: ▼ 59.1%

Kết quả kinh doanh



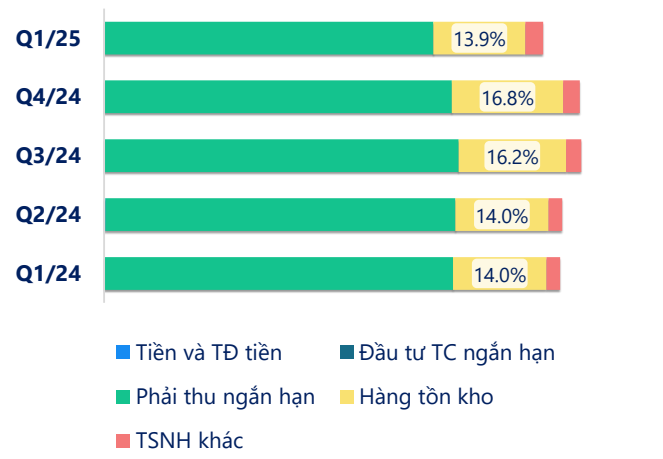
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



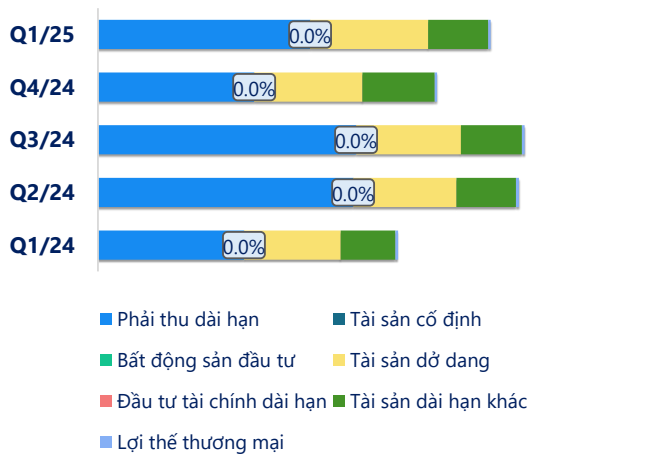
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



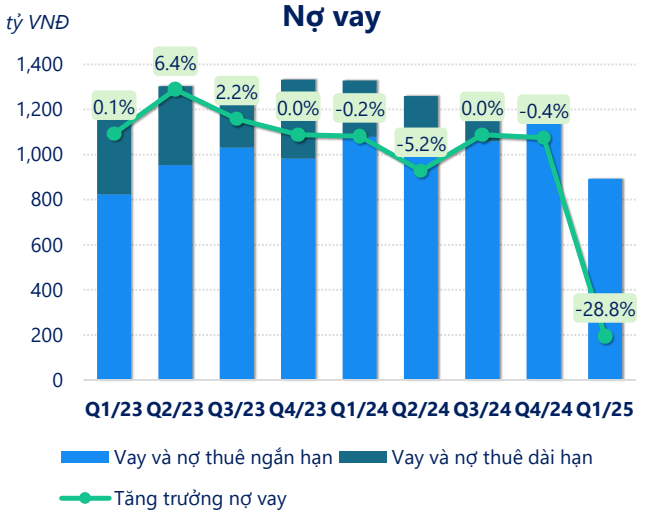
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



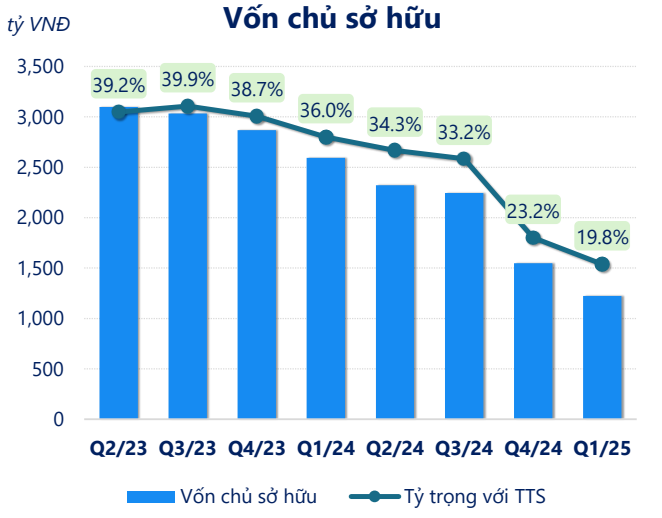
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



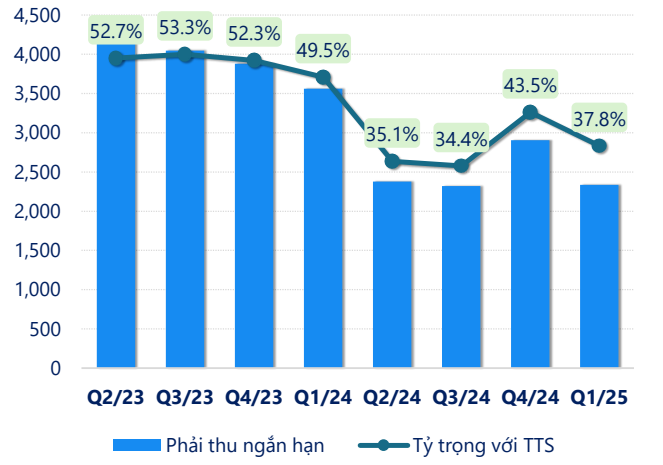
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



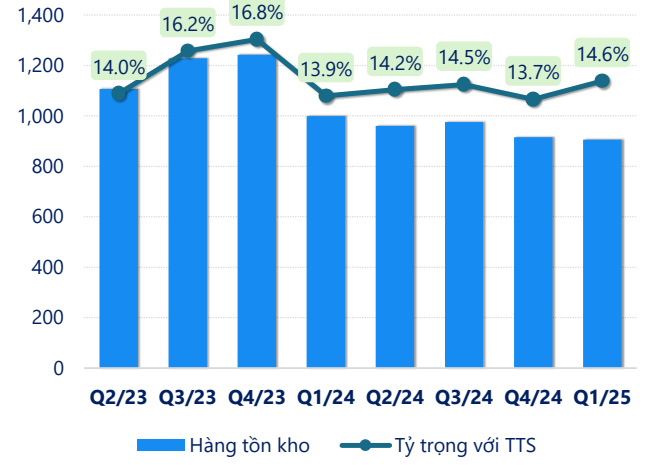
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



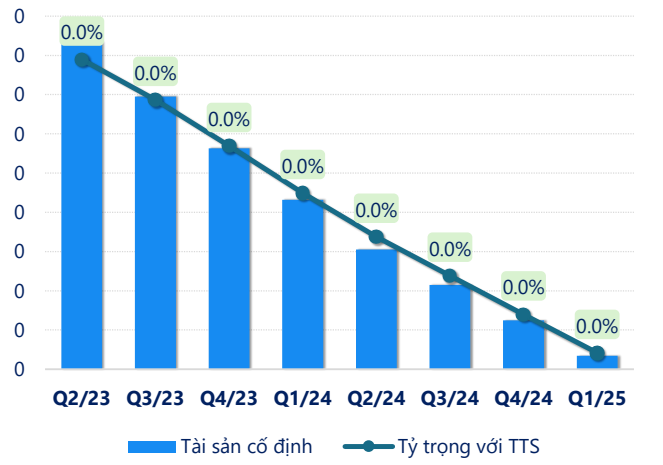
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



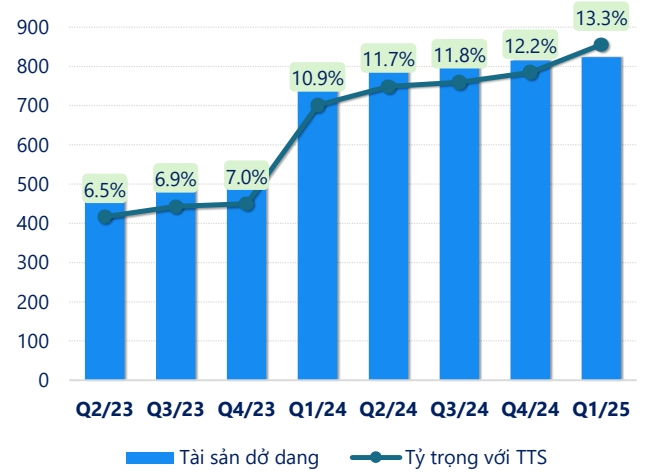
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



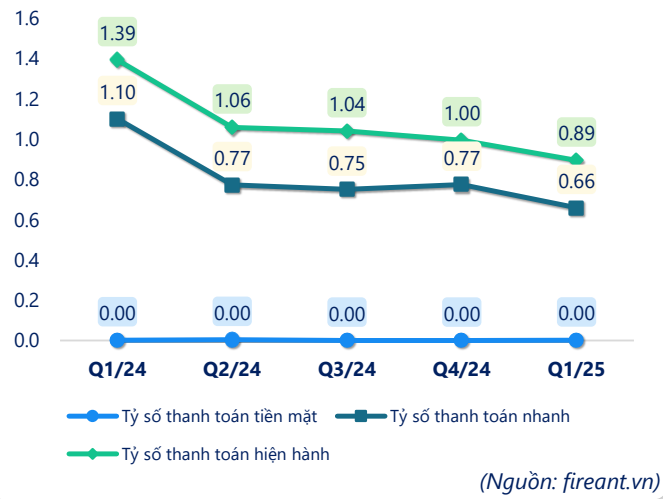
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



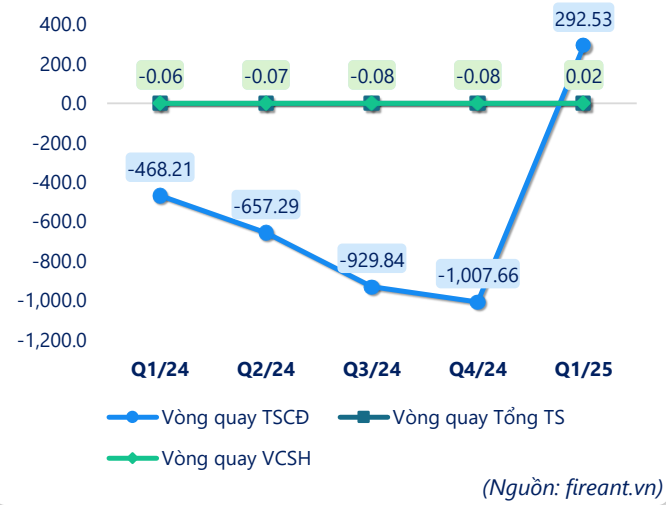
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**7,200**	**6,770**	**6,751**	**6,679**	**6,185**
Tài sản ngắn hạn	**4,761**	**3,555**	**3,502**	**4,123**	**3,445**
Tiền và tương đương tiền	6.70	13.1	0.41	0.92	3.33
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	3,562	2,378	2,320	2,904	2,337
Hàng tồn kho	999	961	976	915	906
Tài sản ngắn hạn khác	193	203	205	303	199
Tài sản dài hạn	**2,439**	**3,215**	**3,250**	**2,556**	**2,740**
Phải thu dài hạn	1,186	1,949	1,966	1,177	1,480
Tài sản cố định	0.22	0.15	0.11	0.06	0.02
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	785	789	798	815	823
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	445	456	466	547	421
Lợi thế thương mại	23.2	21.2	19.1	17.1	15.1
Nợ phải trả	**4,608**	**4,449**	**4,508**	**5,133**	**4,962**
Nợ ngắn hạn	**3,416**	**3,357**	**3,366**	**4,141**	**3,850**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,079	1,110	1,060	1,204	893
Phải trả người bán ngắn hạn	183	182	181	185	184
Nợ dài hạn	1,192	1,092	1,142	992	1,112
Vay và nợ thuê dài hạn	250	150	200	50.0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,592**	**2,321**	**2,244**	**1,546**	**1,223**
Vốn chủ sở hữu	**2,592**	**2,321**	**2,244**	**1,546**	**1,223**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	2,570	2,570	2,570
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)